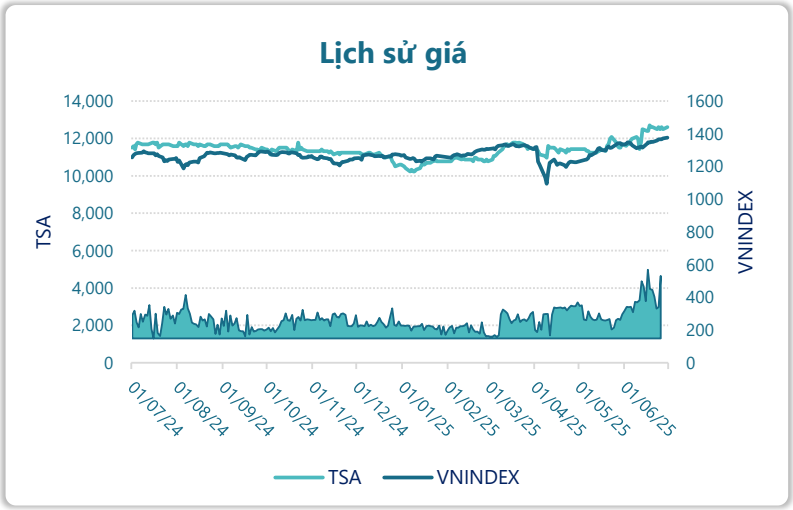
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây lắp Trường Sơn (UPCOM: TSA)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,232
SL cổ phiếu LH	40,424,994
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,105
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	509
P/E	18.0
EPS	700

DT thuần

Q2/25

213

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 137| 181%

YoY: ▲ 53.0| 33.1%

LN sau thuế

Q2/25

8.55

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.41| 172%

YoY: ▲ 3.31| 63.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.6%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

6T 2025

289

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.0| 25.9%

LN sau thuế

6T 2025

11.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.58| 64.2%

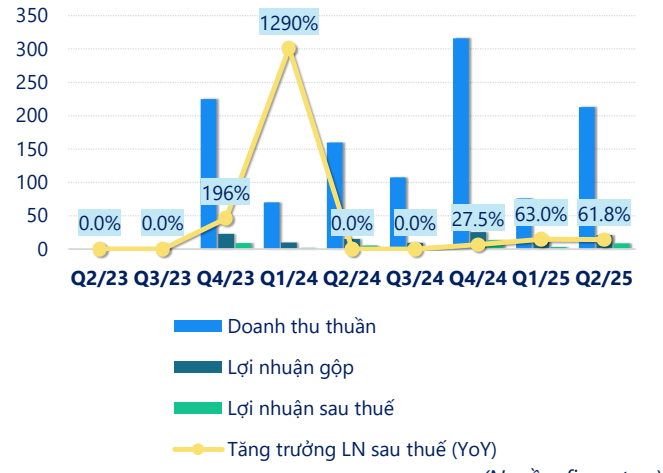
ROE

Q2/25

7.0%

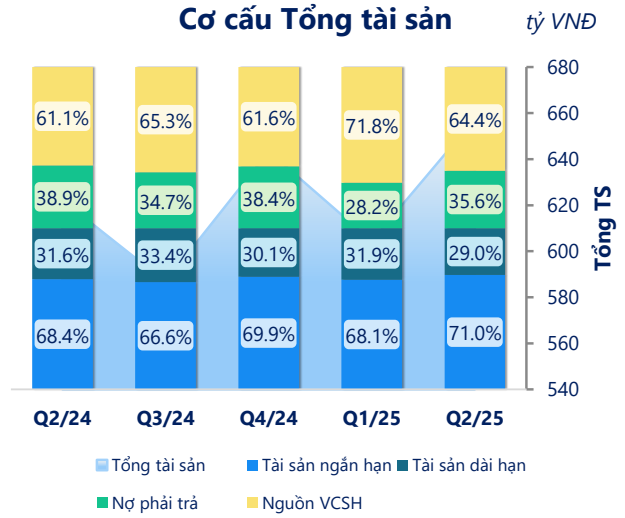
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



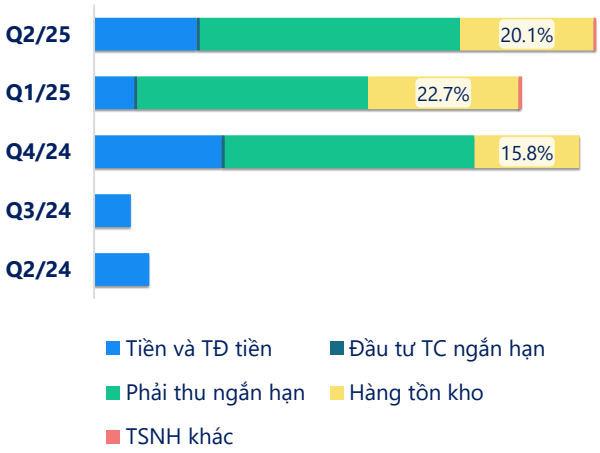
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



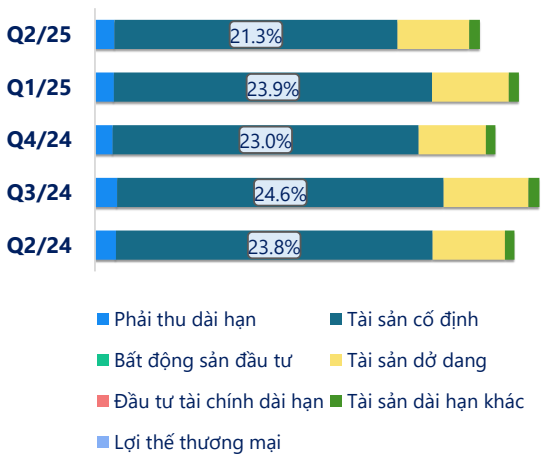
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



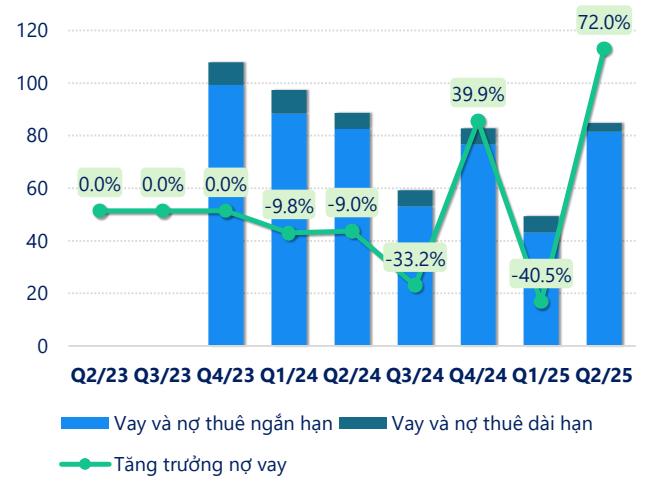
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



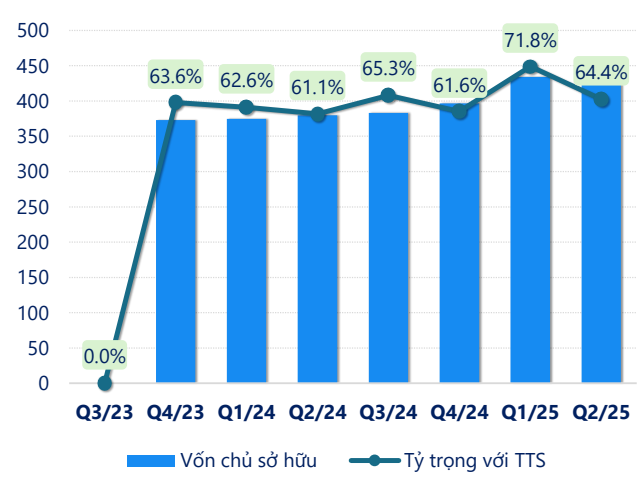
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



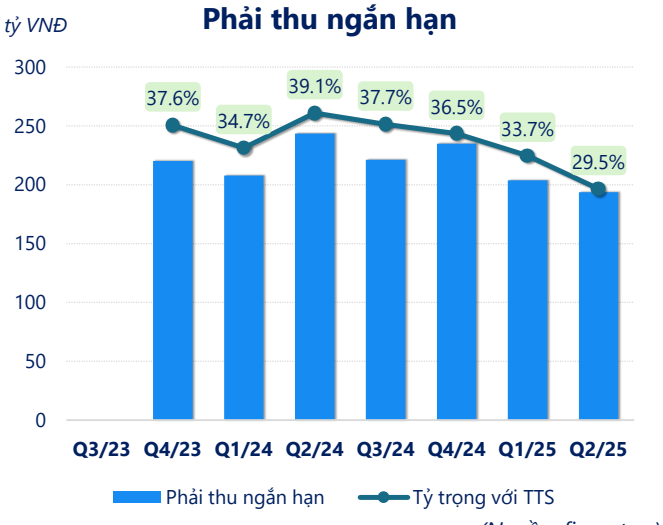
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



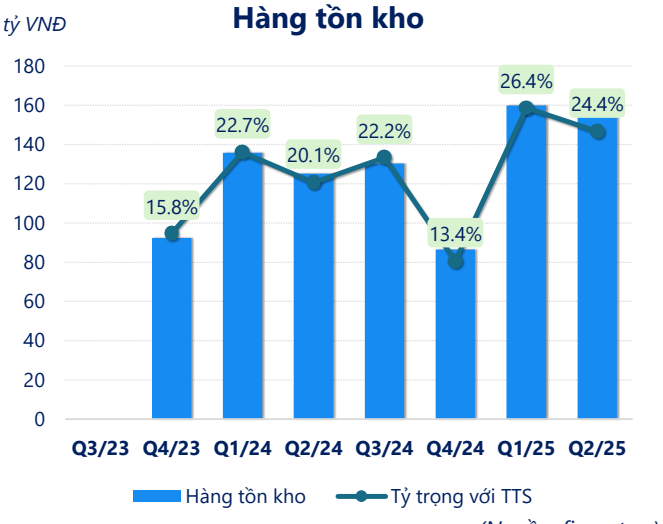
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



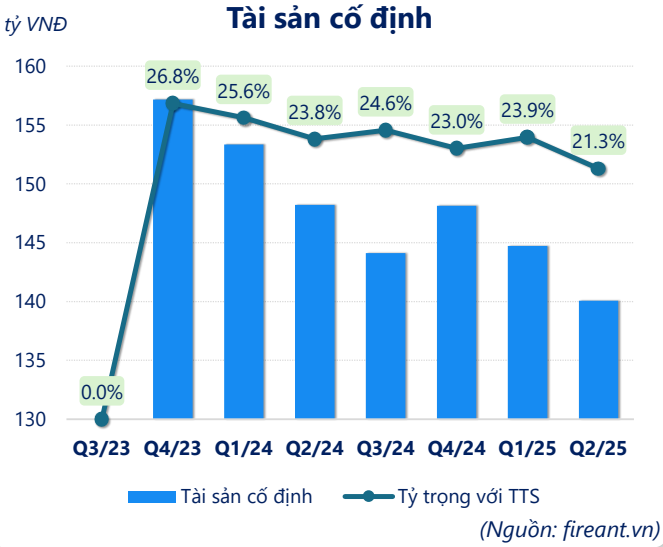
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



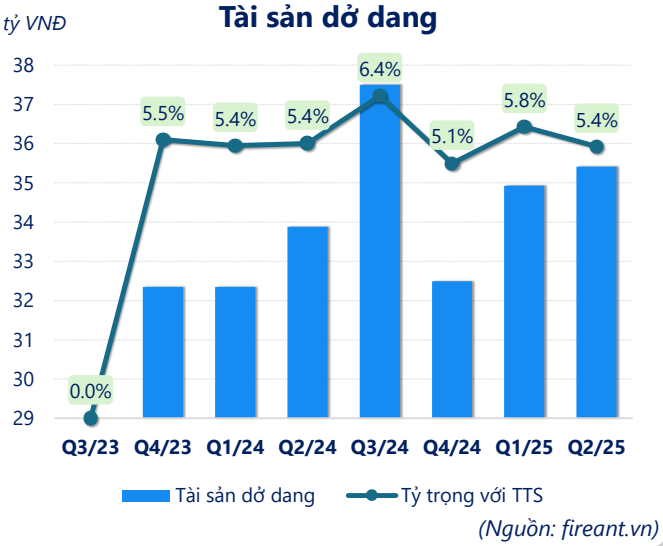
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



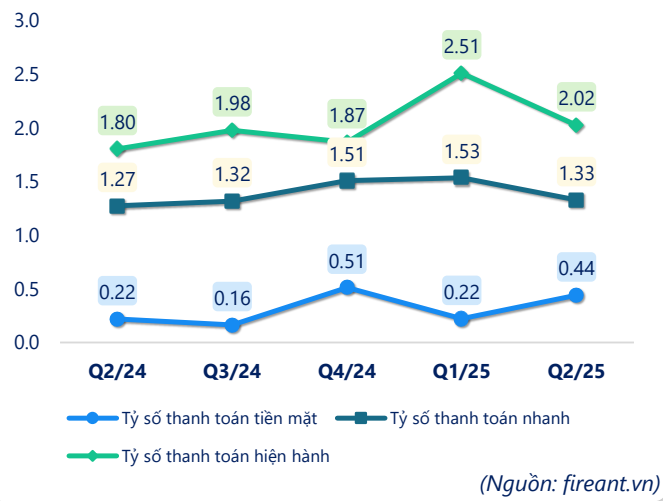
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



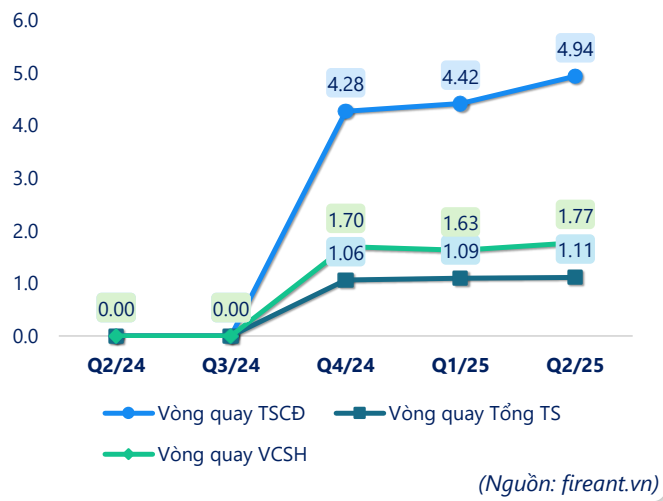
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**622**	**587**	**643**	**604**	**658**
Tài sản ngắn hạn	**426**	**391**	**450**	**412**	**467**
Tiền và tương đương tiền	51.6	32.3	123	36.3	101
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.04	3.04	3.14	3.14	3.17
Phải thu ngắn hạn	243	221	235	204	194
Hàng tồn kho	125	130	86.4	160	161
Tài sản ngắn hạn khác	2.52	3.76	1.89	8.56	8.03
Tài sản dài hạn	**196**	**196**	**194**	**193**	**190**
Phải thu dài hạn	9.77	9.77	8.57	8.57	9.63
Tài sản cố định	148	144	148	145	140
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	33.9	37.5	32.5	34.9	35.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.51	4.77	4.65	4.55	5.37
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**242**	**204**	**247**	**170**	**234**
Nợ ngắn hạn	**236**	**198**	**241**	**164**	**231**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	82.5	53.1	76.7	43.2	81.5
Phải trả người bán ngắn hạn	58.1	62.7	128	75.2	108
Nợ dài hạn	6.12	6.12	6.12	6.12	3.24
Vay và nợ thuê dài hạn	6.12	6.12	6.12	6.12	3.24
Nguồn vốn chủ sở hữu	**380**	**383**	**396**	**434**	**424**
Vốn chủ sở hữu	**380**	**383**	**396**	**434**	**424**
Vốn điều lệ	350	350	350	385	404
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)